

THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI HÀ NỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI¹

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa²
Lưu Hà Vi³, Nguyễn Thu Trang⁴, Phạm Bích Loan⁵

Tóm tắt: Dựa trên kết quả khảo sát về thái độ đối với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) của sinh viên đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội của nhóm sinh viên khoa Công tác xã hội, Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam trong thực hiện từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2026, bài viết đưa ra một số phát hiện ban đầu về thái độ của sinh viên ở một số trường Đại học đối với cộng đồng LGBT trên ba khía cạnh nội hàm cấu trúc của thái độ bao gồm: thái độ biểu hiện ở quan điểm, thái độ biểu hiện ở cảm xúc và thái độ biểu hiện ở xu hướng phản ứng về mặt hành vi. Nhìn chung, thái độ của sinh viên có xu hướng cởi mở, tôn trọng cộng đồng LGBT, song vẫn còn tồn tại một bộ phận sinh viên có tâm lý e dè, chưa thật sự thoải mái khi đề cập đến các vấn đề này hoặc chưa chủ động lên tiếng trước các hành vi kỳ thị, phân biệt đối với cộng đồng LGBT. Điều này cho thấy sinh viên vẫn cần được quan tâm định hướng thông qua giáo dục, truyền thông nhằm hình thành thái độ tích cực lâu dài, bền vững đối với cộng đồng LGBT.

Từ khóa: Cộng đồng LGBT, nhận thức, sinh viên, thái độ, xu hướng hành vi.

Abstract: Based on the survey results on university students' attitudes toward the Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender (LGBT) community in Hanoi, conducted by a group of students from the Faculty of Social Work, Vietnam Youth Academy from January to February 2026, this paper presents several initial findings on students' attitudes at some universities toward the LGBT community across three components of the attitude structure, including: attitudes expressed in thoughts and perceptions, attitudes expressed in emotions, and attitudes expressed in behavioral response tendencies. Overall, students' attitudes toward the LGBT community tend to be positive, however, there remains a proportion of students who feel hesitant and are not entirely comfortable discussing issues related to the LGBT community or are not proactive in speaking up against discriminatory and stigmatizing behaviors toward the LGBT community. This indicates that students still need guidance through education and communication in order to develop positive, long-term, and sustainable attitudes toward the LGBT community.

Keywords: LGBT community, awareness, students, attitudes, behavioral tendencies.

Nhận bài: 24/01/2026 Gửi phản biện: 30/01/2026 Duyệt đăng: 25/02/2026

1 Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu đề tài “Thái độ đối với cộng đồng LGBT của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội” của nhóm sinh viên Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam tham gia nghiên cứu khoa học sinh viên 2025- 2026

2 Tiến sĩ, Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam
3,4,5 Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của các giá trị quyền con người, vấn đề bình đẳng và tôn trọng đa dạng giới, tính dục ngày càng được quan tâm. Cộng đồng LGBT được nhìn nhận cởi mở hơn, nhưng vẫn đối mặt với định kiến, kỳ thị và rào cản, ảnh hưởng đến chất lượng sống, sức khỏe tinh thần và khả năng hòa nhập xã hội.

Sinh viên đại học là nhóm xã hội có trình độ và khả năng tiếp cận thông tin cao, không chỉ phản ánh hệ giá trị của thế hệ trẻ mà còn góp phần định hình môi trường học đường và xu hướng xã hội trong tương lai. Trong bối cảnh các trường đại học ngày càng chú trọng xây dựng môi trường học tập an toàn và bình đẳng, việc tìm hiểu thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT trở nên cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Hà Nội là trung tâm lớn, sinh viên từ nhiều vùng miền, tạo nên môi trường đa dạng trong hình thành thái độ xã hội, trong đó có cộng đồng LGBT. Bài viết tập trung phân tích thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT trên ba phương diện: quan điểm, cảm xúc và hành vi.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện thông qua khảo sát trực tiếp với mẫu gồm 488 sinh viên thuộc 3 trường đại học đại diện cho ba khối ngành tại Hà Nội: Đại học Bách khoa Hà Nội (khối kỹ thuật), Đại học Kinh tế Quốc dân (khối kinh tế) và Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (khối xã hội). Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên, phân bổ tương đối đồng đều theo giới tính, năm học và ngành học ở bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

(Đơn vị tính: %)

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	232	47,5
	Nữ	232	47,5
	Khác	24	5,0
Năm học	Năm 1	104	21,3
	Năm 2	110	22,5
	Năm 3	147	30,1
	Năm 4	96	19,7
	Trên năm 4	31	6,4
Ngành học	Khối ngành kinh tế	168	34,4
	Khối ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ	161	33,0
	Khối ngành khoa học xã hội	159	32,6

Bài viết sử dụng thống kê mô tả và phương pháp phân tích giá trị trung bình để xem xét các biến số có thang đo khoảng (thang đo likert) theo 5 mức độ: Hoàn toàn không đúng - Hiếm khi đúng - Thỉnh thoảng đúng - Thường xuyên đúng - Hoàn toàn đúng. Giá trị điểm trung bình (ĐTB) nằm trong khoảng $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ với tiêu chí đánh giá sau:

- Nếu điểm trung bình ≥ 3 (điểm trung bình của thang đo) phản ánh xu hướng nhận định là Hoàn toàn đúng.

- Nếu điểm trung bình < 3 (điểm trung bình của thang đo) phản ánh xu hướng nhận định là Hoàn toàn không đúng.

Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá mức độ đúng và các chỉ báo cụ thể được xây dựng dựa trên quá trình khảo cứu tài liệu liên quan, đồng thời có điều chỉnh phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và quan điểm của nhóm nghiên cứu.

Bên cạnh đó, nhóm sử dụng phân tích phương sai một, nhiều yếu tố (ANOVA) để tìm điểm khác biệt và điểm trung bình giữa các nhóm giới tính, năm học, ngành học đối với suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của sinh viên về cộng đồng LGBT.

2.2. Một số khái niệm công cụ

Khái niệm về giới và giới tính

Các nghiên cứu khoa học đã đưa ra nhiều cách hiểu về *giới tính* và *giới*, trong đó phần lớn đều thống nhất đây là hai khái niệm khác nhau.

Theo Kaufman, M. R., Eschliman, E. L., & Karver, T. S., (2023), “*giới tính*” là những đặc điểm sinh học bẩm sinh như nhiễm sắc thể, hormone và cơ quan sinh dục dùng để phân biệt nam và nữ. Trong khi đó, “*giới*” được hiểu là những vai trò, hành vi và chuẩn mực do xã hội kiến tạo gắn với nam giới, nữ giới và người đa dạng giới, nói cách khác, giới phản ánh sự kỳ vọng xã hội đối với mỗi cá nhân trong từng bối cảnh văn hóa, lịch sử nhất định. Từ đó có thể hiểu, giới tính thuộc về sinh học, còn giới thuộc về xã hội.

Khái niệm về LGBT và cộng đồng LGBT

LGBT là thuật ngữ dùng để chỉ những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới đa dạng, bao gồm đồng tính nữ (Lesbian), đồng tính nam (Gay), song tính (Bisexual) và chuyển giới (Transgender). Thuật ngữ này được sử dụng trong nghiên cứu và đời sống xã hội nhấn mạnh sự đa dạng tự nhiên của con người về giới. Theo American Psychological Association (2020), xu hướng tính dục là sự hấp dẫn về cảm xúc, tình cảm hoặc tình dục của một cá nhân đối với người khác, còn bản dạng giới là cảm nhận sâu bên trong về giới tính của mỗi người, có thể trùng hoặc không trùng với giới tính khi sinh ra.

Cộng đồng LGBT là tập hợp những người có xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới đa dạng, bao gồm cả những cá nhân và tổ chức ủng hộ quyền bình đẳng của họ. Theo United Nations (2015), cộng đồng này tồn tại ở mọi quốc gia và nền văn hóa, phản ánh sự đa dạng vốn có của xã hội.

Khái niệm về thái độ

Thái độ là một khái niệm cơ bản trong tâm lý học xã hội, được hiểu là khuynh hướng tâm lý định hướng cách cá nhân thể hiện quan điểm, bộc lộ cảm xúc và có xu hướng phản ứng hành vi với một đối tượng nhất định.

Theo Allport, G.W. (1935), thái độ là trạng thái sẵn sàng về mặt tâm lý được hình thành qua kinh nghiệm, định hướng phản ứng của con người. Là trạng thái tinh thần và thần kinh của sự sẵn sàng, được tổ chức qua kinh nghiệm, tác động ảnh hưởng định hướng lên phản ứng của cá nhân với các đối tượng và tình huống liên quan.

Cách định nghĩa này cho thấy thái độ là một cấu trúc ổn định, hình thành từ trải nghiệm, giúp định hướng nhận thức, cảm xúc và hành vi của cá nhân. Tuy có tính bền vững, thái độ vẫn có thể thay đổi khi tiếp nhận thông tin hoặc trải nghiệm mới.

Trong khi đó Eagly, A. H., & Chaiken, S., (1993) cho rằng thái độ là sự đánh giá của cá nhân đối với một đối tượng với mức độ tích cực hoặc tiêu cực.

Từ đó có thể hiểu, thái độ là cấu trúc tâm lý mang tính đánh giá, bao gồm ba thành phần chính: quan điểm, cảm xúc và hành vi. Thái độ có tính ổn định nhưng có thể thay đổi theo trải nghiệm và bối cảnh.

Khái niệm về thái độ đối với cộng đồng LGBT

Thái độ đối với cộng đồng LGBT được hiểu là khuynh hướng đánh giá của cá nhân đối với những người có xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới thuộc nhóm LGBT.

Trong bài viết này, thái độ đối với cộng đồng LGBT được hiểu là sự đánh giá tổng thể của cá nhân (tích cực hoặc tiêu cực)

Ý KIẾN VÀ KINH NGHIỆM

thể hiện qua quan điểm, cảm xúc và hành vi đối với nhóm người thuộc cộng đồng LGBT.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thái độ thể hiện ở suy nghĩ, quan điểm của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

Tim hiểu thái độ của sinh viên thể hiện ở khía cạnh suy nghĩ, quan điểm của họ về cộng đồng LGBT, kết quả thể hiện ở bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Suy nghĩ, quan điểm của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

(Đơn vị tính: %)

Ý kiến	Mức độ ý kiến					Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
	Hoàn toàn không đúng	Hiếm khi đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng	Hoàn toàn đúng		
1. Tôi hiểu LGBT là thuật ngữ chỉ những người đồng tính, song tính và chuyển giới.	7,4	6,4	9,6	36,9	39,8	3,95	1,189
2. Tôi hiểu được sự khác biệt giữa xu hướng tính dục và bản dạng giới.	4,7	12,3	18,2	35,2	29,5	3,73	1,149
3. Người thuộc cộng đồng LGBT không phải là người mắc bệnh.	10,7	12,9	13,1	27,7	35,7	3,65	1,357
4. Xu hướng tính dục không thể "chữa khỏi" bằng biện pháp y học.	10,0	13,7	12,7	27,3	36,3	3,66	1,353
5. Xu hướng tính dục không có nguy cơ lây lan.	11,1	15,6	18,2	24,0	31,1	3,49	1,361
6. Người thuộc cộng đồng LGBT tồn tại ở mọi quốc gia và nền văn hóa.	4,7	3,3	5,5	35,5	51,0	4,25	1,030
7. Người thuộc cộng đồng LGBT có quyền được tôn trọng như mọi công dân khác.	5,7	3,1	12,9	35,0	43,2	4,07	1,095
8. Người thuộc cộng đồng LGBT nên được pháp luật bảo vệ khỏi phân biệt đối xử.	5,7	5,1	15,0	33,0	41,2	3,99	1,134
9. Người thuộc cộng đồng LGBT có quyền làm việc và học tập bình đẳng.	4,1	5,1	12,7	33,8	44,3	4,09	1,067
10. Hôn nhân đồng giới nên được xã hội thừa nhận.	22,5	17,6	20,1	17,6	22,1	2,99	1,464
11. Quan hệ đồng giới đi ngược lại thuần phong mỹ tục Việt Nam.	16,0	20,9	12,3	22,1	28,7	3,27	1,467

Nguồn: Lưu Hà Vi, Nguyễn Thu Trang, Phạm Bích Loan (2026)

Bảng 2 cho thấy quan điểm của sinh viên đối với cộng đồng LGBT theo xu hướng cởi mở, thể hiện rõ ở những nội dung có điểm trung bình cao nhất. Ý kiến *Người thuộc cộng đồng LGBT tồn tại ở mọi quốc*

gia và nền văn hóa đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,25), cho thấy đa số sinh viên nhìn nhận rõ ràng về tính phổ biến và sự hiện diện khách quan của cộng đồng LGBT. Ý kiến cho rằng *Người thuộc cộng đồng LGBT có quyền làm việc và học tập bình đẳng* đạt ĐTB = 4,09, phản ánh mức độ đồng tình cao của sinh viên đối với quyền bình đẳng của cộng đồng LGBT. Ý kiến cho rằng *Người thuộc cộng đồng LGBT có quyền được tôn trọng như mọi công dân khác* có điểm trung bình cao (ĐTB = 4,07) cho thấy phần lớn sinh viên thể hiện quan điểm tương đối cởi mở và thừa nhận sự tồn tại cũng như các quyền cơ bản của cộng đồng LGBT trong xã hội.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy vẫn còn một số nội dung có điểm trung bình thấp, phản ánh sự dè dặt chưa cởi mở trong quan điểm của một số sinh viên đối với các vấn đề liên quan đến LGBT. Ý kiến cho rằng *Hôn nhân đồng giới nên được xã hội thừa nhận* có điểm trung bình thấp nhất trong bảng (ĐTB = 2,99). Tỷ lệ lựa chọn ở các mức phân tán khá đều, cho thấy quan điểm của sinh viên về vấn đề này chưa đạt được sự đồng thuận rõ rệt. Bên cạnh đó, phát biểu *Quan hệ đồng giới đi ngược lại thuần phong mỹ tục Việt Nam* có ĐTB = 3,27, cho thấy vẫn còn một bộ phận sinh viên chịu ảnh hưởng từ các chuẩn mực văn hóa truyền thống khi đánh giá về quan hệ đồng giới. Cần lưu ý rằng những mệnh đề này không mang tính xác định đúng - sai một cách tuyệt đối, mà phản ánh các hệ giá trị và cách hiểu khác nhau trong bối cảnh chuẩn mực văn hóa hiện nay chưa có sự quy định hoặc đồng thuận rõ ràng đối với các biểu hiện cụ thể.

Phân tích ANOVA cho thấy có sự khác biệt về nhận thức theo một số đặc điểm nhân khẩu học, nhưng mức độ ý nghĩa không đều.

Về giới tính, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,000$), trong đó nhóm giới tính khác (ĐTB = 3,91) và nữ (ĐTB = 3,87) có nhận thức tích cực hơn so với nam (ĐTB = 3,59). Điều này cho thấy sinh viên nữ và nhóm giới tính khác có xu hướng cởi mở và tích cực hơn so với sinh viên nam trong quan điểm về cộng đồng LGBT.

Đối với năm học, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm ($p > 0,05$), cho thấy năm học chưa ảnh hưởng rõ rệt đến quan điểm của sinh viên về cộng đồng LGBT. Đối với ngành học, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,000$), trong đó sinh viên khối khoa học xã hội có quan điểm tích cực nhất (ĐTB = 3,94), tiếp đến là kinh tế (ĐTB = 3,70) và thấp hơn là khối khoa học kỹ thuật và công nghệ (ĐTB = 3,59). Kết quả này cho thấy sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội có xu hướng có quan điểm cởi mở hơn đối với cộng đồng LGBT so với các nhóm ngành còn lại.

3.2. Thái độ thể hiện ở cảm xúc của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

Ở khía cạnh cảm xúc, sinh viên thể hiện thái độ đối với cộng đồng LGBT trên các chiều cạnh dưới đây.

Dựa trên bảng 3, có thể nhận thấy thái độ của sinh viên có xu hướng nghiêng về ủng hộ cộng đồng LGBT. Ý kiến cho rằng *Tôi tôn trọng sự khác biệt về xu hướng tính dục* có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,92), cho thấy phần lớn sinh viên thể hiện thái độ cảm xúc cởi mở và tôn trọng đối với sự đa dạng về xu hướng tính dục. Ý kiến cho rằng *Tôi cảm thấy thoải mái khi học tập cùng người thuộc cộng đồng LGBT* đạt ĐTB = 3,82, phản ánh mức độ chấp nhận tương đối của sinh viên đối với người thuộc cộng đồng LGBT trong môi trường học tập.

Bảng 3. Cảm xúc của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

(Đơn vị tính: %)

Ý kiến	Mức độ ý kiến					ĐTB	ĐLC
	Hoàn toàn không đúng	Hiếm khi đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng	Hoàn toàn đúng		
1. Tôi cảm thấy thoải mái khi học tập cùng người LGBT.	6,1	13,3	11,1	31,6	37,9	3,82	1,243
2. Tôi tôn trọng sự khác biệt về xu hướng tính dục.	5,3	11,1	10,5	32,4	40,8	3,92	1,196
3. Tôi có thể chấp nhận nếu bạn thân của mình là người LGBT.	19,1	18,4	8,0	22,1	32,4	3,30	1,541
4. Tôi cảm thông với những khó khăn mà người LGBT gặp phải.	8,4	11,1	14,5	32,6	33,4	3,72	1,265
5. Tôi cảm thấy khó chịu khi tiếp xúc gần với người LGBT.	22,3	24,8	10,0	27,0	15,8	2,89	1,427
6. Tôi lo ngại người LGBT có thể ảnh hưởng xấu đến giới trẻ.	23,8	20,3	13,5	23,4	19,1	2,94	1,466
7. Tôi cảm thấy e dè khi nói chuyện về chủ đề LGBT.	23,6	21,1	20,5	22,7	12,1	2,79	1,350

Nguồn: Lưu Hà Vi, Nguyễn Thu Trang, Phạm Bích Loan (2026)

Ý kiến cho rằng *Tôi cảm thông với những khó khăn mà người thuộc cộng đồng LGBT gặp phải* cũng có điểm trung bình tương đối (ĐTB = 3,72), cho thấy sinh viên không chỉ chấp nhận mà còn có sự thấu hiểu đối với nhóm này.

Bên cạnh những cảm xúc tích cực, vẫn tồn tại một số biểu hiện cảm xúc chưa cởi mở. Với ý kiến *Tôi cảm thấy dễ chịu khi nói chuyện về chủ đề LGBT* có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,79), cho thấy nhiều sinh viên vẫn còn e ngại, chưa thoải mái khi đề cập trực tiếp đến các vấn đề liên quan đến LGBT trong giao tiếp. Với ý kiến *Tôi thấy khó chịu khi tiếp xúc gần với người thuộc cộng đồng LGBT* có ĐTB = 2,89, phản ánh vẫn còn một bộ phận sinh viên cảm thấy không thoải mái khi tiếp xúc trực tiếp, dù không chiếm đa số.

Ý KIẾN VÀ KINH NGHIỆM

Nghiên cứu sử dụng phân tích phương sai (ANOVA) để làm rõ sự khác biệt về thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT theo giới tính, năm học và ngành học. Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa các nhóm, nhưng mức độ ý nghĩa thống kê không đồng đều. Về giới tính, kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm ($p = 0,036$). Trong đó sinh viên nữ có điểm trung bình cao nhất ($\text{ĐTB} = 3,40$), tiếp đến là nam ($\text{ĐTB} = 3,31$) và thấp nhất là nhóm giới tính khác ($\text{ĐTB} = 3,08$). Điều này cho thấy sinh viên nữ có xu hướng thể hiện thái độ tích cực hơn đối với cộng đồng LGBT so với các nhóm còn lại.

Đối với năm học, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), cho thấy năm học chưa ảnh hưởng rõ rệt đến thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT. Về ngành học, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,001$), với sinh viên khối khoa học xã hội có thái độ tích cực nhất ($\text{ĐTB} = 3,48$), tiếp đến là kinh tế ($\text{ĐTB} = 3,32$) và thấp nhất là khối kỹ thuật - công nghệ ($\text{ĐTB} = 3,21$). Kết quả này cho thấy sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội có xu hướng thể hiện thái độ tích cực hơn đối với cộng đồng LGBT so với các nhóm ngành khác.

3.3. Thái độ biểu hiện ở xu hướng phản ứng hành vi của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

Tìm hiểu phản ứng của sinh viên trong các vấn đề và tình huống có liên quan đến cộng đồng LGBT, kết quả thể hiện ở bảng 4 dưới đây.

Xu hướng phản ứng hành vi của sinh viên trong mối quan hệ với cộng đồng LGBT nhìn chung cởi mở, đặc biệt trong các tình huống tương tác và hợp tác học tập.

Bảng 4. Phản ứng hành vi của sinh viên đối với cộng đồng LGBT

Đơn vị tính: %

Ý kiến	Mức độ ý kiến					ĐTB	ĐLC
	Hoàn toàn không đúng	Hiếm khi đúng	Thỉnh thoảng đúng	Thường xuyên đúng	Hoàn toàn đúng		
1. Tôi sẵn sàng kết bạn với người thuộc cộng đồng LGBT.	6,8	9,0	10,0	37,3	36,9	3,89	1,195
2. Tôi sẵn sàng làm việc nhóm với người thuộc cộng đồng LGBT.	3,1	8,4	12,5	42,2	33,8	3,95	1,037
3. Tôi ủng hộ các hoạt động vì quyền LGBT trong trường học.	5,5	15,0	15,2	34,4	29,9	3,68	1,204
4. Tôi sẵn sàng tham gia sự kiện nâng cao nhận thức về đa dạng giới.	8,8	19,3	22,1	24,0	25,8	3,39	1,293
5. Tôi sẽ lên tiếng nếu chứng kiến hành vi kỳ thị người thuộc cộng đồng LGBT.	5,1	21,5	21,9	29,3	22,1	3,42	1,194
6. Tôi chọn im lặng khi thấy người thuộc cộng đồng LGBT bị phân biệt đối xử.	18,9	25,2	25,6	25,4	4,9	2,72	1,176
7. Tôi có xu hướng tránh xa người thuộc cộng đồng LGBT để tránh rắc rối.	23,4	21,3	15,2	18,6	21,5	2,94	1,482

Nguồn: Lưu Hà Vi, Nguyễn Thu Trang, Phạm Bích Loan (2026)

Mức độ sẵn sàng làm việc nhóm với người thuộc cộng đồng LGBT đạt điểm trung bình cao nhất ($\text{ĐTB} = 3,95$), với tỷ lệ lựa chọn các mức *thường xuyên đúng* và *hoàn toàn đúng* lần lượt là 42,2% và 33,8%, cho thấy phần lớn sinh viên không gặp trở ngại khi phối hợp trong học tập. Cùng với đó, sự cởi mở trong các mối quan hệ cá nhân cũng được thể hiện khá rõ. Hành vi sẵn sàng kết bạn đạt $\text{ĐTB} = 3,89$, phản ánh xu hướng chấp nhận và hòa nhập tương đối tích cực. Việc ủng hộ các hoạt động liên quan đến quyền LGBT trong trường học cũng được ghi nhận ở mức khá ($\text{ĐTB} = 3,68$), cho thấy sinh viên có xu hướng đồng tình với các giá trị bình đẳng và công nhận sự đa dạng.

Tuy nhiên, mức độ tích cực này chưa đồng đều. Khi đối mặt với các hành vi phân biệt đối xử, sinh viên có xu hướng ít chủ động can thiệp hơn, thể hiện qua hành vi im lặng có điểm trung bình thấp nhất ($\text{ĐTB} = 2,72$). Điều này cho thấy vẫn còn sự e ngại trong việc lên tiếng trước kỳ thị.

Kết quả phân tích ANOVA cho thấy sự

khác biệt về hành vi giữa các nhóm ngành là có ý nghĩa thống kê ($p = 0,000$). Trong đó, sinh viên khối khoa học xã hội có mức độ hành vi tích cực cao nhất ($\text{ĐTB} = 3,59$), tiếp đến là khối kinh tế ($\text{ĐTB} = 3,54$), thấp nhất là khối khoa học kỹ thuật và công nghệ ($\text{ĐTB} = 3,15$). Kết quả này cho thấy sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội có xu hướng cởi mở hơn so với các nhóm ngành còn lại.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên có quan điểm khá cởi mở và tôn trọng quyền của người thuộc cộng đồng LGBT như một thành tố của quyền con người, thể hiện ở việc thừa nhận sự tồn tại khách quan của người LGBT, đồng thời đồng tình với các quyền cơ bản của họ như quyền được tôn trọng, quyền được học tập và làm việc bình đẳng. Không chỉ dừng lại ở quan điểm, phương diện cảm xúc, nhiều sinh viên cảm thấy thoải mái khi học tập cùng người thuộc cộng đồng LGBT và có sự cảm thông nhất định với những khó khăn mà nhóm này gặp phải. Ở phương diện hành vi, sinh viên có xu hướng sẵn sàng kết bạn, làm việc nhóm và ủng hộ các hoạt động vì quyền LGBT trong môi trường học đường. Những kết quả này cho thấy sinh viên đang dần hình thành cách nhìn cởi mở đối với cộng đồng LGBT.

Tuy nhiên, thái độ của sinh viên đối với cộng đồng LGBT chưa hoàn toàn đồng đều và vẫn tồn tại một số khoảng trống. Một bộ phận sinh viên vẫn chưa thật sự thoải mái khi tiếp xúc gần hoặc vẫn giữ sự dè dặt khi nói về cộng đồng LGBT. Đặc biệt, ở phương diện hành vi, vẫn còn một bộ phận sinh viên có xu hướng im lặng khi chứng kiến phân biệt đối xử với người thuộc cộng đồng LGBT, cho thấy sự ủng hộ về mặt quan điểm, cảm xúc

chưa hẳn đã chuyển hóa thành hành động cụ thể. Điều này phần nào phản ánh ảnh hưởng của các định kiến xã hội, chuẩn mực văn hóa truyền thống, sự thiếu hụt về giáo dục giới tính và bình đẳng trong nhà trường đối với vấn đề thuộc cộng đồng LGBT. Các nhà hoạch định chính sách và lĩnh vực giáo dục cần có sự quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng khung pháp lý và môi trường học đường nhằm bảo vệ đầy đủ các quyền cơ bản của người LGBT theo tiêu chuẩn quyền công dân và quyền con người đã được pháp luật thừa nhận. Cùng với đó, cần tăng cường cụ thể các biện pháp để tránh phân biệt đối xử, kỳ thị cũng như thúc đẩy xã hội theo hướng tôn trọng sự đa dạng và bình đẳng./.

Tài liệu tham khảo

1. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211.
2. Allport, G. W. (1935). Attitudes. In C. Murchison (Ed.), *Handbook of social psychology* (pp. 798–844). Clark University Press.
3. American Psychological Association. (n.d.). *Sexual orientation and gender diversity*.
4. Eagly, A. H., & Chaiken, S. (1993). *The psychology of attitudes*. Harcourt Brace Jovanovich College Publishers.
5. Herek, G. M. (2000). The psychology of sexual prejudice. *Current Directions in Psychological Science*, 9(1), 19–22.
6. Kaufman, M. R., Eschliman, E. L., & Karver, T. S. (2023). Differentiating sex and gender in health research to achieve gender equity. *Bulletin of the World Health Organization*, 101(10), 666–671.
7. Kite, M. E., & Whitley, B. E., Jr. (1996). Sex differences in attitudes toward homosexual persons, behaviors, and civil rights: A meta-analysis. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 22(4), 336–353.
8. Lưu Hà Vi, Nguyễn Thu Trang, & Phạm Bích Loan. (2026). *Kết quả khảo sát về thái độ đối với cộng đồng LGBT của sinh viên đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội* [Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên].
9. United Nations Free & Equal. (n.d.). *Definitions & terminology on LGBTIQ+ people and human rights*.
10. World Health Organization. (2013). *Addressing the causes of disparities in health service access and utilization for lesbian, gay, bisexual and trans persons*.
11. World Health Organization. (n.d.). *Improving LGBTIQ+ health and well-being with consideration for SOGIESC*.